

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU HỎI VÀ DẤU CHẤM HỎI

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Hiểu tác dụng của câu hỏi, nhận biết hai dấu hiệu chính của câu hỏi là từ nghi vấn và dấu chấm hỏi.
2. Xác định được câu hỏi trong một văn bản, đặt được câu hỏi thông thường.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bảng phụ kẻ các cột : *Câu hỏi – Của ai – Hỏi ai – Dấu hiệu* theo nội dung BT1, 2, 3 (phần Nhận xét).
- Bút dạ và một số tờ phiếu khổ to kẻ bảng nội dung BT1 (phần Luyện tập).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

GV kiểm tra 2 HS :

- HS1 làm lại BT1 (tiết LTVC – MRVT : *Ý chí – Nghị lực*).
- HS2 đọc đoạn văn viết về người có ý chí nghị lực (BT3).

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Hàng ngày khi nói và viết, các em thường dùng 4 loại câu : câu kể (VD : *Hôm nay em đến trường vào 8 giờ sáng*), câu hỏi (*Vì sao bạn nghỉ học ?*), câu cảm (*Thật đáng xấu hổ !*) và câu khiến (*Hãy ăn bánh đi !*). Bài học hôm nay, các em sẽ tìm hiểu kĩ về câu hỏi.

2. Phần Nhận xét

GV treo bảng phụ viết một bảng gồm các cột : *Câu hỏi – Của ai – Hỏi ai – Dấu hiệu*, lần lượt điền nội dung vào từng cột khi HS thực hiện các BT1, 2, 3.

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của bài tập, từng em đọc thầm bài *Người tìm đường lên các vì sao*, phát biểu. GV chép những câu hỏi trong truyện vào cột câu hỏi : *Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được ? Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách vở và dụng cụ thí nghiệm như thế ?*

Bài tập 2, 3

– Một HS đọc yêu cầu của BT2, 3.

– HS trả lời. GV ghi kết quả trả lời vào bảng. Sau đó mời 1 HS đọc bảng kết quả :

Câu hỏi	Của ai	Hỏi ai	Dấu hiệu
1. Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được ?	Xi-ôn-cốp-xki	Tự hỏi mình	– Từ <i>vì sao</i> – Dấu chấm hỏi
2. Cậu làm thế nào mà mua được nhiều sách và dụng cụ thí nghiệm như thế ?	Một người bạn	Xi-ôn-cốp-xki	– Từ <i>thế nào</i> – Dấu chấm hỏi

3. Phần Ghi nhớ

Ba, bốn HS đọc nội dung cần ghi nhớ trong SGK.

4. Phần Luyện tập

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của BT1.

– Cả lớp đọc thầm bài *Thưa chuyện với mẹ* (tr.85, SGK), *Hai bàn tay* (tr.114, SGK), làm bài vào vở hoặc VBT. GV phát riêng phiếu cho một vài HS.

– Những HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả làm bài trên bảng lớp. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

TT	Câu hỏi	Câu hỏi của ai ?	Để hỏi ai ?	Từ nghi vấn
1	Bài <i>Thưa chuyện với mẹ</i> <i>Con vừa báo gì ?</i> <i>Ai xui con thế ?</i>	Câu hỏi của mẹ Câu hỏi của mẹ	Để hỏi Cương Để hỏi Cương	gì thế
2	Bài <i>Hai bàn tay</i> <i>Anh có yêu nước không ?</i> <i>Anh có thể giữ bí mật không ?</i> <i>Anh có muốn đi với tôi không ?</i> <i>Nhưng chúng ta lấy đâu ra tiền ?</i> <i>Anh sẽ đi với tôi chứ ?</i>	Câu hỏi của Bác Hồ Câu hỏi của Bác Hồ Câu hỏi của Bác Hồ Câu hỏi của bác Lê Câu hỏi của Bác Hồ	Hỏi bác Lê Hỏi bác Lê Hỏi bác Lê Hỏi Bác Hồ Hỏi bác Lê	có... không có... không có... không đâu chứ

Bài tập 2

- Một HS đọc yêu cầu của bài tập (đọc cả ví dụ - M :).
- GV mời 1 cặp HS làm mẫu. GV viết lên bảng 1 câu văn (VD : *Về nhà, bà kể lại câu chuyện, khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận.*) Hai HS suy nghĩ, sau đó thực hành hỏi - đáp trước lớp :

HS1 : - Về nhà bà cụ làm gì ?	HS2 : - Về nhà, bà cụ kể lại chuyện xảy ra cho Cao Bá Quát nghe.
HS1 : - Bà cụ kể lại chuyện gì ?	HS2 : - Bà cụ kể lại chuyện bị quan cho lính đuổi bà ra khỏi huyện đường.
HS1 : - Vì sao Cao Bá Quát ân hận ?	HS2 : - Cao Bá Quát ân hận vì mình viết chữ xấu mà bà cụ bị đuổi khỏi cửa quan, không giải được nỗi oan ức.

- Từng cặp HS đọc thâm bài *Văn hay chữ tốt*, chọn 3, 4 câu trong bài, viết các câu hỏi liên quan đến nội dung các câu văn đó, thực hành hỏi - đáp.
- Một số cặp thi hỏi - đáp. Cả lớp và GV nhận xét, bình chọn cặp hỏi - đáp thành thạo, tự nhiên, đúng ngữ điệu.

VD :

Từ đó, ông dốc sức luyện viết chữ sao cho đẹp.	1. Cao Bá Quát dốc sức làm gì ? 2. Cao Bá Quát dốc sức luyện chữ để làm gì ? 3. Từ khi nào, Cao Bá Quát dốc sức luyện viết chữ ?
Ông nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt.	1. Ai nổi danh khắp nước là người văn hay chữ tốt ? 2. Cao Bá Quát nổi danh là người như thế nào ? 3. Vì sao Cao Bá Quát nổi danh là người văn hay chữ tốt ?

Bài tập 3

- HS đọc yêu cầu của bài tập, mỗi em đặt 1 câu hỏi để tự hỏi mình.
- GV gợi ý các tình huống :
 - + HS có thể tự hỏi về 1 bài học đã qua, 1 cuốn sách cần tìm, 1 bộ phim đã xem, 1 đồ dùng đã mua, 1 công việc mẹ bảo làm...
 - + Nhắc HS nói đúng ngữ điệu câu hỏi - tự hỏi mình.
- HS lần lượt đọc câu hỏi mình đã đặt. GV nhận xét.

VD : Vì sao mình không giải được bài tập này nhỉ ? / Mẹ dặn mình hôm nay phải làm gì đây ? / Không biết mình để quyển Đô-rê-mon ở đâu ? / Nhân vật trong bộ phim này trông quen quá, không biết đã đóng trong phim nào ?....

5. Củng cố, dặn dò : Một HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ của bài học. GV nhắc HS học thuộc nội dung đó ; về nhà viết lại vào vở 4 câu hỏi vừa đặt ở lớp (BT.III.2, 3).